

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả trúng tuyển vào lớp 10
Trường THPT Đắk Glong năm học 2026 - 2027

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 09/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 1074/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh Lâm Đồng Phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú, tuyển sinh vào lớp 10 các trường trung học phổ thông năm học 2026 - 2027 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 1940/QĐ-SGDĐT ngày 10/6/2026 của Giám đốc Sở GDĐT Lâm Đồng về việc thành lập các Hội đồng tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2026 - 2027;

Xét đề nghị của Hội đồng tuyển sinh Trường THPT Đắk Glong tại Tờ trình số 13/TTr-THPTĐGL ngày 31/7/2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý chất lượng, Sở Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kết quả trúng tuyển vào lớp 10 Trường THPT Đắk Glong năm học 2026 - 2027 gồm 490 học sinh (có danh sách đính kèm).

Điều 2. Giao Hiệu trưởng Trường THPT Đắk Glong thông báo danh sách trúng tuyển, tiếp nhận học sinh trúng tuyển vào nhập học theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ

thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; thủ trưởng các đơn vị, Hiệu trưởng Trường THPT Đăk Glong và những học sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLCL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Đức Lợi

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Học sinh trúng tuyển vào lớp 10 Trường THPT Đắk Glong năm học 2026-2027

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SGDĐT ngày tháng 8 năm 2026 của Giám đốc Sở GDĐT)

STT	Họ và tên	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi đăng ký thường trú	Điểm UT	Điểm KK	Điểm học tập	Tổng điểm	TBm toán, văn	Diện tuyển thẳng	Ghi chú
1	ĐỖ HOÀNG BẢO AN	Lâm Đồng	Nam	Tày	07/09/2011	thôn 7, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0		TN THCS trường PT DTNT	TT
2	K' VŨ AN	Lâm Đồng	Nam	Mạ	13/02/2011	Bon Sa Ú Dru, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
3	NGUYỄN NGỌC BẢO AN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	02/09/2011	Thôn Quảng Long, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		29.0	30.0			NV1
4	NGUYỄN PHẠM AN AN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	05/09/2010	Bon B' Sre B, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
5	ĐÀM NGỌC TRÂM ANH	Quảng Trị	Nữ	kinh	07/08/2011	Thôn Hùng Sơn, Xã Phú Trạch, Tỉnh Quảng Trị	1.0		27.0	28.0			NV1
6	ĐỖ HOÀNG VƯƠNG ANH	Lâm Đồng	Nam	kinh	30/10/2011	bon sa ú dru, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
7	HỒ VIỆT ANH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	09/01/2011	Thôn Quảng Long, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		38.0	39.0			NV1
8	LẠI THỊ LAN ANH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	28/07/2011	thôn 1, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		40.0	41.0			NV1
9	LÊ DIỆP ANH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	22/05/2011	Bon Sa Diêng, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		40.0	41.0			NV1
10	MAI LÊ TUẤN ANH	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	16/11/2011	Thôn Quảng Long, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
11	NGUYỄN HOÀNG TRỌNG ANH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	20/01/2011	Bon Sa Ú-Dru, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
12	NGUYỄN HOÀNG VIỆT ANH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	14/08/2011	Bon B' Nor, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
13	NGUYỄN THỊ TRÂM ANH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	16/06/2011	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		29.0	30.0			NV1
14	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	18/08/2011	Bon Ka Nur, Phường 3 Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
15	NGUYỄN TUẤN ANH	TP. Đà Nẵng	Nam	Mường	21/08/2011	Thôn Quảng Long, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
16	PHẠM HÀ ANH	Thanh Hóa	Nữ	Thái	06/12/2011	thôn 5, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0		TN THCS trường PT DTNT	TT
17	PHẠM NGỌC ANH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	20/06/2011	Bon B' Sre A, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1

18	TRỊNH PHƯƠNG ANH	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	28/06/2011	Bon Ka La Dong, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		40.0	41.0			NV1
19	GIÀNG THỊ ÁNH	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	12/02/2011	thôn 4, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
20	H' KIM ÁNH	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	12/10/2011	Bon B' Nôm Păng Rah, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
21	K' THỊ MỸ ÁNH	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	07/12/2011	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1
22	H' BAI	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	27/02/2011	Bon B'Plao, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		31.0	32.0			NV1
23	THẢO A BANH	Lâm Đồng	Nam	H'Mông	02/04/2011	Cụm 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
24	VŨ THỊ BÀU	Lâm Đồng	Nữ	Mông	12/10/2010	Thôn 4, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
25	HÀ DUY BẢO	Lâm Đồng	Nam	Thái	09/11/2011	Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		26.0	27.0			NV1
26	K' BẢO	Lâm Đồng	Nam	Mạ	28/05/2011	Bon R' Dạ, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
27	K' BẢO	Lâm Đồng	Nam	Mạ	18/11/2010	Bon B' Srê B, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
28	NGUYỄN ĐÌNH BẢO	Lâm Đồng	Nam	kinh	05/07/2011	Bon Sa Diêng, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
29	PHẠM LÊ QUỐC BẢO	Lâm Đồng	Nam	Kinh	01/06/2011	Bon Sa Diêng, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
30	TRẦN HOÀNG THÁI BẢO	Lâm Đồng	Nam	Kinh	04/06/2011	Bon Ka La Dong, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
31	TỪ HOÀ GIA BẢO	Đắk Lắk	Nam	Kinh	12/05/2011	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
32	VŨ THẾ BẢO	Lâm Đồng	Nam	Kinh	06/03/2011	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		33.0	34.0			NV1
33	THẢO A BÂY	Lâm Đồng	Nam	H'Mông	03/01/2011	Thôn 5, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
34	TRẦN VŨ VY BĂNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	16/04/2011	Bon B' Dong, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1
35	KHÁNG SEO BÊ	Lâm Đồng	Nam	Hmông	16/02/2011	Thôn 1, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
36	H' LIM BHOK	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	22/05/2011	Bon B' Nôm Păng Rah, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
37	SÙNG A BI	Lâm Đồng	Nam	Mông	15/10/2007	Thôn 2, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
38	SÙNG A BI	Lâm Đồng	Nam	Hmông	15/05/2010	Thôn 7, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
39	K' BIÊN	Lâm Đồng	Nam	mạ	05/01/2011	Bon Phi mur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
40	K' RÔ BIN	Lâm Đồng	Nam	Mạ	06/02/2011	Bon B' Dong, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
41	GIÀNG A BÌNH	Lâm Đồng	Nam	Hmông	19/10/2011	Thôn 7, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
42	K' BÌNH	Lâm Đồng	Nam	Mạ	25/12/2010	Thôn 9, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
43	PHAN THANH BÌNH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	24/05/2011	Bon Ka La Dạ, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1

44	PHẠM THANH BÌNH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	19/05/2011	Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
45	TRẦN LƯƠNG BÌNH	Đắk Lắk	Nam	Kinh	20/10/2011	Bon Ka La Dong, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
46	H' BÍCH	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	08/01/2011	Bon R' Dạ, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
47	K' BOI	Lâm Đồng	Nam	Mạ	29/07/2011	Bon B' Nơ, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
48	H BỒN	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	15/07/2011	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
49	H' BÔNG	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	01/12/2011	Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0		TN THCS trường PT DTNT	TT
50	H' BRÁCH	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	27/04/2011	Bon B' Dong, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
51	CƯ' THỊ BUỐM	Lâm Đồng	Nữ	Mông	04/01/2011	Thôn 2, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
52	THẢO THỊ BƯỚNG	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	23/01/2011	Cụm 9, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
53	H' RÊ CA	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	24/01/2011	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
54	K' CẢNH	Lâm Đồng	Nam	Mạ	31/01/2011	Bon B' Dong, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
55	MA THỊ CÁC	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	25/10/2010	Thôn 1 - Đắk Som, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
56	LÝ THỊ CẦU	Lâm Đồng	Nữ	Mông	13/12/2010	Thôn 3, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
57	CƯ' THỊ CẦU	Lâm Đồng	Nữ	H'Mông	23/01/2010	Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
58	THẢO A CHÁ	Lâm Đồng	Nam	Hmông	08/02/2009	Thôn 4, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
59	VÀNG THỊ CHẮNG	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	02/10/2010	Thôn 5, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
60	ĐÀO THỊ MINH CHÂU	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	30/10/2011	Bon B'Tong, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
61	NGUYỄN TRẦN BẢO CHÂU	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	03/04/2011	Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng			38.0	38.0			NV1
62	VÒNG MINH CHÂU	TP. Đồng Nai	Nữ	Hoa	30/05/2011	Thôn Quảng Long, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		31.0	32.0			NV1
63	SÙNG THỊ CHI	Lâm Đồng	Nữ	Mông	20/07/2011	Thôn 1, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
64	VÀNG THỊ CHI	Lâm Đồng	Nữ	H'Mông	06/05/2010	Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
65	VÕ THỊ HỒ CHI	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31/01/2011	Thôn Đắk Lang, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
66	MÙA TRƯỜNG CHINH	Điện Biên	Nam	Hmông	27/03/2011	Thôn 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
67	NGUYỄN CÔNG CHÍNH	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	09/04/2010	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
68	LÝ THỊ CHỢ	Lâm Đồng	Nữ	H'Mông	05/07/2011	Thôn 7, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1

69	THÁI HỒNG CHUYỀN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	30/05/2011	Bon Ka La Dạ, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		40.0	41.0			NV1
70	NGUYỄN THỊ THANH CHÚC	Ninh Bình	Nữ	Kinh	22/08/2011	Thôn Tân Tiến, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
71	TRẦN HOÀNG ANH CHUÔNG	Lâm Đồng	Nam	kinh	08/07/2011	Bon ka la yu, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
72	GIẢNG THỊ CHÚ	Điện Biên	Nữ	Hmông	17/11/2008	Thôn 3 - Đăk Som, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
73	VÀNG THỊ CỖ	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	19/04/2011	Thôn 5, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		26.0	27.0			NV1
74	GIẢNG A CƯƠNG	Lâm Đồng	Nam	Mông	29/08/2010	Thôn 3, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
75	LỖ SEO CƯỜNG	Lâm Đồng	Nam	Hmông	20/07/2010	thôn 5, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		26.0	27.0			NV1
76	LẦU A CỬ	Lâm Đồng	Nam	Hmông	21/02/2011	Thôn 3, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
77	MÙA KÍNH CỬ	Lâm Đồng	Nam	Mông	02/11/2011	Thôn 3, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		26.0	27.0			NV1
78	HẠNG THỊ DAY	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	24/11/2009	thôn 5, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		33.0	34.0			NV1
79	H ' DỆT	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	14/10/2010	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
80	HẠNG THỊ DIÊN	Lâm Đồng	Nữ	Mông	10/10/2009	Thôn 4, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
81	H' DIỆP	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	14/06/2011	Bon B' Sre B, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
82	H' DIỆP	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	18/10/2010	Bon B'Dong, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
83	H' DIỆP	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	26/12/2011	Bon B' Dong, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
84	LƯU MỘNG DIỆP	Lâm Đồng	Nữ	kinh	08/01/2011	Thôn Tân Tiến, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
85	NGUYỄN NGỌC DIỆP	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	15/07/2011	Bon Ka La Dong, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		40.0	41.0			NV1
86	TÀNG H' DIỆP	TP. Đồng Nai	Nữ	hoa	29/03/2010	Bon Phi Mur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
87	VŨ HẢ NGỌC DIỆP	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	21/09/2011	Bon B' Nor, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
88	NGUYỄN THỊ HUYỀN DIỆU	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	30/04/2011	Thôn Đăk Lang, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
89	TRÁNG THỊ DÍ	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	24/04/2010	Thôn 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
90	VÀNG THỊ DÍ	Điện Biên	Nữ	H'Mông	10/08/2011	Thôn 7, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		31.0	32.0			NV1
91	VÀNG THỊ DÍ	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	11/03/2007	Thôn 3, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		29.0	30.0			NV1
92	GIẢNG THỊ DÍNH	Lâm Đồng	Nữ	Mông	12/01/2011	Thôn 3, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
93	VÀNG A DƠ	Lâm Đồng	Nam	H'Mông	18/08/2010	Thôn 5, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
94	GIẢNG THỊ DUA	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	28/02/2011	Cụm 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1

95	VÀNG THỊ DUA	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	01/04/2010	Thôn 5, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
96	CƯ THỊ DUNG	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	05/01/2011	Thôn 7, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
97	GIÀNG THỊ DUNG	Lâm Đồng	Nữ	Mông	05/11/2010	Thôn 2, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
98	H' DUNG	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	09/02/2011	Bon Ka La Dong, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
99	MA THỊ DUNG	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	18/05/2011	thôn 5, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
100	K' DUY	Lâm Đồng	Nam	Mạ	25/04/2010	Bon B' Nôm Păng Răh, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
101	NGUYỄN HỮU DUY	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	04/11/2011	Bon Ka La Yu, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		39.0	40.0			NV1
102	NGUYỄN TUẤN DUY	Lâm Đồng	Nam	kinh	29/07/2011	Bon Sa ú-Dru, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		29.0	30.0			NV1
103	GIÀNG THỊ HỒNG DUYÊN	Lâm Đồng	Nữ	H'Mông	24/06/2011	Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
104	GIÀNG A DỪA	Lào Cai	Nam	Hmông	05/03/2011	thôn 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
105	SÂN SEO DỪNG	Lâm Đồng	Nam	Hmông	03/05/2011	Thôn 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
106	GIÀNG A DỪNG	Lâm Đồng	Nam	Hmông	06/01/2010	Thôn 3, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		26.0	27.0			NV1
107	THẢO A DỪNG	Lâm Đồng	Nam	Mông	09/02/2011	thôn 1, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		29.0	30.0		TN THCS trường PT DTNT	TT
108	GIÀNG THỊ DÚA	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	01/06/2011	thôn 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
109	SÙNG THỊ DỨNG	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	11/12/2011	Thôn 5, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		26.0	27.0			NV1
110	LÝ VĂN DƯƠNG	Lâm Đồng	Nam	Hmông	21/01/2011	Thôn 2, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
111	NGUYỄN DUY DƯƠNG	Thanh Hóa	Nam	Kinh	30/04/2011	Bon Ka La Dong, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
112	NGUYỄN THỊ THỦY DƯƠNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31/03/2011	Bon Ka La Dong, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		40.0	41.0			NV1
113	PHẠM THỊ THỦY DƯƠNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	20/11/2010	Thôn 1, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
114	SÙNG THỊ DƯƠNG	Điện Biên	Nữ	Mông	16/05/2010	Thôn 2, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		29.0	30.0			NV1
115	TRẦN ĐỖ THỦY DƯƠNG	TP. Huế	Nữ	Kinh	14/05/2011	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1
116	TRẦN THỊ THỦY DƯƠNG	Lâm Đồng	Nữ	kinh	26/03/2011	Thôn Quảng Long, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
117	H' ĐÀO NHẢ ĐAN	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	17/08/2011	Bon Ka La Dạ, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		40.0	41.0			NV1
118	NGUYỄN HUỲNH NHẢ ĐAN	Lâm Đồng	Nữ	kinh	31/03/2011	Bon Ka La Dạ, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		37.0	38.0			NV1
119	TRƯƠNG TIẾN ĐẠT	Thanh Hóa	Nam	Mường	14/09/2011	Bon Sa Ú - Dru, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1

120	HỒ THỊ ĐIỂM	Quảng Ngãi	Nữ	Co	17/02/2011	Bon Ka La Dong, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
121	GIÀNG THỊ ĐÁ	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	20/08/2010	Thôn 2, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
122	LY HOÀI ĐỒNG	Lào Cai	Nam	Hmông	23/04/2011	Thôn 4, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		26.0	27.0			NV1
123	K' ĐUYỀN	Lâm Đồng	Nam	Mạ	22/05/2011	Bon B' Nơ, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
124	K' ĐỨC	Lâm Đồng	Nam	Mạ	07/08/2011	thôn 3, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0		TN THCS trường PT DTNT	TT
125	LÊ VĂN MINH ĐỨC	Lâm Đồng	Nam	Kinh	10/06/2011	Bon Ka La Đa, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1
126	NGÕ XUÂN ĐỨC	Lâm Đồng	Nam	Kinh	21/12/2011	Bon B' Nôm Păng Răh, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
127	THẢO THỊ GANH	Điện Biên	Nữ	Hmông	05/02/2011	Thôn 2 - Đắc Som, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
128	TRẮNG THỊ GÁNH	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	05/11/2011	Cụm 8, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
129	TRẮNG THỊ GÀU	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	10/01/2009	Thôn 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0		TN THCS trường PT DTNT	TT
130	SÙNG THỊ GẾNH	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	17/11/2011	Thôn 3 - Đắc Som, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
131	HẠNG THỊ GIÀNG	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	15/03/2011	Thôn 5, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		31.0	32.0			NV1
132	GIÀNG A GIÁO	Lâm Đồng	Nam	Hmông	28/04/2011	thôn 5, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		26.0	27.0			NV1
133	K' GIÁP	Lâm Đồng	Nam	Mạ	27/07/2011	Bon Sa Ú, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
134	CHÁU THỊ GIONG	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	11/04/2011	thôn 5, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
135	H' GLIM	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	23/12/2011	Bon B' Srê A, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
136	VÀNG THỊ HA	Lâm Đồng	Nữ	Mông	14/05/2011	Thôn 2, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
137	VÀNG THỊ HAY	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	12/03/2011	Thôn 7, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
138	PHẠM HỒNG HÀ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	29/06/2011	Bon Phi Mur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
139	RLAN THANH HÀ	Gia Lai	Nữ	Gia-rai	27/12/2011	Thôn Quảng Long, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
140	TRẦN THÚY HÀ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	05/04/2011	Bon Ka La Đa, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		38.0	39.0			NV1
141	CƯ THỊ HÀNG	Lâm Đồng	Nữ	H'Mông	27/07/2011	Cụm 12, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
142	NGUYỄN DUY HẢI	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	22/07/2011	Bon B' Dong, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
143	H' YA HẢO	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	26/02/2011	Thôn Quảng Long, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
144	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	01/01/2011	Bon Ka La Dong, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		40.0	41.0			NV1

145	NGUYỄN THỊ NGỌC HẠNH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	15/11/2011	Bon B' dong, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
146	VŨ KIỀU DIỄM HẠNH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	16/06/2011	Thôn Tân Tiến, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
147	HỒ CHÍ HẠO	Lâm Đồng	Nam	Kinh	29/10/2011	Bon B' Nor, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
148	GIẢNG A HẮNG	Lâm Đồng	Nam	Hmông	24/11/2011	Thôn 5, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
149	H' HẮNG	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	12/03/2011	Bon B' Nom Păng Răh, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
150	LÊ THỊ THANH HẰNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	16/10/2011	Thôn 3, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0		TN THCS trường PT DTNT	TT
151	ĐOÀN VŨ DIỆU HÂN	Lâm Đồng	Nữ	kinh	24/04/2011	Thôn Tân Tiến, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		39.0	40.0			NV1
152	H' HÂN	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	11/10/2011	thôn 1, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0		TN THCS trường PT DTNT	TT
153	H' HÂN	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	17/06/2009	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
154	LÊ THỊ NGỌC HÂN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	08/10/2011	Bon B' Dong, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
155	NGUYỄN HỒ NGỌC HÂN	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	08/03/2011	Thôn Quảng Long, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		39.0	40.0			NV1
156	K' HẬU	Lâm Đồng	Nam	Mạ	15/05/2009	Bon B' Nor, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
157	PHAN VĂN HẬU	Lâm Đồng	Nam	Kinh	26/02/2011	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		37.0	38.0			NV1
158	TIẾT THỊ THANH HIỀN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	15/08/2011	Bon B' Nor, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0	0.5	32.0	33.5			NV1
159	CHÂU LÊ TRUNG HIỀU	Lâm Đồng	Nam	Kinh	17/11/2011	Thôn 9-, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
160	NGUYỄN TRUNG HIỂU	Lâm Đồng	Nam	Kinh	06/08/2011	thôn 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng			27.0	27.0			NV1
161	TRẦN HOÀNG HIỂU	Lâm Đồng	Nam	Kinh	11/07/2011	Bon R' Dą, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1
162	VŨ NGUYỄN HOÀNG HIỂU	Lâm Đồng	Nam	Kinh	10/01/2011	Bon B'Sre B, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
163	MÙA THỊ HOA	Lâm Đồng	Nữ	Mông	16/01/2011	Thôn 3, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
164	SÙNG THỊ HOA	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	16/12/2010	thôn 5, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
165	SÙNG THỊ HOA	Lâm Đồng	Nữ	Mông	04/03/2010	Thôn 2, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
166	THẢO THỊ HOA	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	26/01/2009	Thôn 1, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
167	THẢO THỊ HOA	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	29/09/2010	Thôn 7, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
168	VÀNG THỊ HOA	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	24/09/2010	thôn 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
169	VÀNG THỊ HOA	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	04/03/2010	Thôn 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1

170	H' HOÀI	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	07/08/2010	Bon B' sre A, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
171	H' HOÀNG HOÀI	Lâm Đồng	Nữ	Tày	09/09/2011	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1
172	K' HOÀI	Lâm Đồng	Nam	Mạ	05/11/2011	Bon B' Nôm Păng Răh, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
173	NGUYỄN THU HOÀI	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	07/02/2011	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1
174	SÙNG SEO HOÀNG	Lâm Đồng	Nam	Hmông	06/01/2010	Thôn 3, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		26.0	27.0			NV1
175	THẢO A HOÀNG	Điện Biên	Nam	Hmông	08/01/2011	Thôn 2, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
176	THẢO HUY HOÀNG	Lâm Đồng	Nam	H'Mông	12/06/2011	Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
177	TRẮNG A HOÀNG	Lâm Đồng	Nam	Mông	08/01/2011	Thôn 4, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
178	CƯ THỊ HÓA	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	08/07/2011	Cụm 9, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
179	TRẮNG A HỒ	Lâm Đồng	Nam	Mông	08/06/2011	Thôn 2, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
180	HOÀNG THỊ HUÂN	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	26/02/2011	Thôn 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
181	ĐÀO THỊ BÍCH HUỆ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	27/05/2011	Bon Sa Ú- Dru, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		40.0	41.0			NV1
182	LÂM NGUYỄN HUY	Lâm Đồng	Nam	Kinh	26/04/2011	Cụm 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
183	LÊ HỮU HUY	Lâm Đồng	Nam	Kinh	05/06/2011	Bon B' Nor, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
184	LƯU GIA HUY	An Giang	Nam	Kinh	09/09/2011	Thôn Tân Tiến, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		33.0	34.0			NV1
185	NGHIÊM GIA HUY	Lâm Đồng	Nam	Kinh	27/02/2011	Bon Ka La Yu, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
186	NGUYỄN GIA HUY	Lâm Đồng	Nam	Kinh	18/11/2011	Bon Phi Mur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
187	NGUYỄN VĂN HOÀNG HUY	Lâm Đồng	Nam	Kinh	01/12/2011	Bon B' Srê B, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0	0.5	40.0	41.5			NV1
188	ĐỖ VĂN HÙNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	22/12/2011	Thôn Quảng Long, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		29.0	30.0			NV1
189	HOÀNG MẠNH HÙNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	12/10/2011	Bon Ka Lạ Dạ, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		40.0	41.0			NV1
190	ĐÌNH PHẠM GIA HÙNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	05/10/2011	Thôn Quảng Long, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
191	GIÀNG THỊ HƯƠNG	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	19/11/2010	Thôn 2, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
192	MÙA THỊ HƯƠNG	Lâm Đồng	Nữ	Mông	08/08/2011	Thôn 3, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
193	NGUYỄN PHẠM LAN HƯƠNG	TP. Cần Thơ	Nữ	Kinh	11/09/2011	Bon Sa Ú - Dru, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
194	SÙNG THỊ HƯƠNG	Điện Biên	Nữ	Hmông	11/11/2011	Thôn 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
195	VÀNG THỊ HƯƠNG	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	25/04/2011	thôn 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1

196	H' HY	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	01/01/2010	bon B'Nôm Păng Răh, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
197	K' JIANG	Lâm Đồng	Nam	Mạ	23/10/2011	Bon B' Nôm Păng Rah, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
198	H' KEM KDOH	Lâm Đồng	Nữ	ê đê	25/06/2011	Bon Sa ú dru, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
199	VÀNG THỊ KẾ	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	22/12/2011	Thôn 5, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
200	BÙI NGUYỄN NHẬT KHANG	Nghệ An	Nam	Kinh	04/11/2011	Bon Ka La Yu, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1
201	QUẢN ĐÌNH DUY KHANG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	08/06/2011	Bon Ka La Đa, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1
202	THẢO A KHANG	Lâm Đồng	Nam	H'Mông	15/01/2011	Cụm 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		26.0	27.0			NV1
203	VŨ NGUYỄN KHANG	Lâm Đồng	Nam	kinh	10/09/2011	Thôn Đăk Lang, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
204	VŨ TRỌNG KHANG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	01/03/2011	Bon Sa ú-Dru, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
205	ĐỖ TRỌNG KHANH	Ninh Bình	Nam	Kinh	28/04/2011	Bon B' Srê A, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
206	ĐÌNH CÔNG KHẢI	Lâm Đồng	Nam	Kinh	05/11/2011	Bon Phi Mur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1
207	VŨ THỊ KHÁ	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	10/01/2010	thôn 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
208	TRẦN ĐĂNG KHOA	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	08/06/2011	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
209	HUỖNH ANH KHÔI	Lâm Đồng	Nam	Kinh	15/08/2011	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1
210	NGUYỄN ĐỨC KHÔI	Lâm Đồng	Nam	Kinh	15/11/2011	Bon Sa Diêng, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
211	H' KHUYẾT	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	06/08/2011	thôn 4, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0		TN THCS trường PT DTNT	TT
212	H' MẠC KHƯƠNG	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	10/10/2011	Bon B' Dong, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
213	CHÁU THỊ KIA	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	04/04/2011	Thôn 1, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
214	TRẦN KIẾN	Gia Lai	Nam	Kinh	09/12/2010	Bon Ka La Dong, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
215	ĐẶNG VŨ ANH KIẾT	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	18/08/2011	Thôn Đăk Lang, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
216	NGUYỄN TẤN KIẾT	Lâm Đồng	Nam	kinh	25/04/2011	Bon Ka La Dong, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
217	VÀNG A KỶ	Lâm Đồng	Nam	Hmông	26/01/2010	Thôn 7, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
218	K' LAM	Lâm Đồng	Nam	Mạ	27/05/2010	Bon Ka La Dong, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
219	VÀNG THỊ LAN	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	03/07/2009	thôn 5, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
220	MŨA THỊ LANG	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	06/05/2011	Thôn 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1

221	K' LÃNH	Lâm Đồng	Nam	Mạ	06/09/2011	Bon B' Nom Păng Răh, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		29.0	30.0			NV1
222	SÙNG A LÂM	Điện Biên	Nam	Hmông	10/03/2011	Thôn 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
223	TRƯƠNG K' LÂM	Lâm Đồng	Nam	Mạ	13/01/2011	Bon B' Tong, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
224	NGUYỄN HOA MAI LỆ	Lâm Đồng	Nữ	Tày	20/08/2011	thôn 4, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0		TN THCS trường PT DTNT	TT
225	HOÀNG THỊ LIÊN	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	27/10/2010	thôn 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		29.0	30.0			NV1
226	GIÀNG THỊ LINH	Lâm Đồng	Nữ	Mông	28/07/2011	Thôn 1, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
227	H' LINH	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	05/05/2011	Bon B' Dong, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
228	LÃNH THUY LINH	TP. Đồng Nai	Nữ	Tày	23/07/2011	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
229	NGUYỄN NHẬT LINH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	21/03/2011	Bon Ka La Yu, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		39.0	40.0			NV1
230	NGUYỄN XUÂN LINH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	02/02/2011	Bon Ka La Đa, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
231	PHAN BẢO LINH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	04/01/2011	Bon B' Srê B, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
232	PHẠM THỊ THUY LINH	Ninh Bình	Nữ	Kinh	01/10/2011	Bon B'S rê B, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
233	LÝ A LONG	Lâm Đồng	Nam	Hmông	18/10/2011	Thôn 2, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
234	TRỊNH ĐÌNH LONG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	10/07/2011	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
235	VÀNG A LONG	Lâm Đồng	Nam	Mông	24/03/2011	Thôn 4, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		29.0	30.0			NV1
236	ĐOÀN VŨ LỘC	Lâm Đồng	Nam	Kinh	27/11/2011	Bon B' Dong, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
237	K' LỖ	Lâm Đồng	Nam	Mạ	20/04/2009	Bon Pang So, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1
238	HÃNG THẮNG LỢI	Lào Cai	Nam	Hmông	21/11/2011	Thôn 5, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
239	H' LUÔN	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	07/03/2011	Bon B' Nor, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
240	HÃNG THỊ DUNG LY	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	08/04/2011	Thôn 3, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		26.0	27.0			NV1
241	SÙNG THỊ LY	Lâm Đồng	Nữ	Mông	11/01/2011	Thôn 2, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
242	SÙNG THỊ MAI	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	30/10/2011	thôn 5, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
243	SÙNG THỊ MAI	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	20/09/2009	Thôn 2, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
244	THẢO THỊ MAI	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	06/04/2011	thôn 5, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
245	THẢO THỊ MAI	Lâm Đồng	Nữ	Mông	09/11/2011	Thôn 1, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		26.0	27.0			NV1

246	HÀNG A MANH	Lâm Đồng	Nam	Hmông	20/07/2007	Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
247	VÀNG A MANH	Lâm Đồng	Nam	Hmông	08/02/2011	Thôn 5, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
248	TRẮNG THỊ MÁI	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	25/12/2011	Thôn 7, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
249	HỒ A MẠNH	Điện Biên	Nam	Mông	18/06/2011	Thôn 2, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		26.0	27.0			NV1
250	K' MẠNH	Lâm Đồng	Nam	Mạ	21/11/2011	Bon B' Dong, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
251	LÊ BÁ MẠNH	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	20/05/2011	Bon B' Srê B, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
252	NÔNG VĂN MẠNH	Lâm Đồng	Nam	Nùng	03/11/2010	bon B'Tong, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
253	PHAN XUÂN MẠNH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	03/08/2011	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		40.0	41.0			NV1
254	TRẦN DUY MẠNH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	10/05/2011	Bon Sa ú-Dru, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		35.0	36.0			NV1
255	GIÀNG THỊ MÂY	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	08/06/2011	Thôn 4, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
256	VÀNG THỊ MÂY	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	10/09/2011	Cụm 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		29.0	30.0			NV1
257	H' MẬU	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	04/01/2010	Bon B' Nor, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
258	LÊ THỊ KIỆU MI	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	16/09/2011	Bon Sa Diêng, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
259	ĐINH TUẤN MINH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	14/07/2011	Bon B' Dong, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
260	GIÀNG A MINH	Lâm Đồng	Nam	Mông	05/12/2008	Thôn 2, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
261	HỒ THẨM THỂ MINH	Lâm Đồng	Nam	Hoa	10/12/2009	Thôn Quảng Long, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
262	NGUYỄN QUANG MINH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	23/11/2011	Thôn Quảng Long, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
263	H' LINH CHA MONG	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	28/09/2011	N'tinh, Xã Quảng Sơn, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
264	K' A MỐT	Lâm Đồng	Nam	Mạ	09/07/2011	Bon Sa Ú- Dru, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
265	LÙ THỊ MỸ	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	16/05/2011	Thôn 7, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
266	ĐỖ LY NA	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	05/09/2011	Bon B'Tong, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		40.0	41.0			NV1
267	HỒ BẢO NAM	Lâm Đồng	Nam	Kinh	10/04/2011	Bon Phi Mur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		31.0	32.0			NV1
268	TRẦN HẢI NAM	Đắk Lắk	Nam	Kinh	27/03/2011	Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
269	TRỊNH NGUYỄN ĐÔNG NAM	Lâm Đồng	Nam	Kinh	14/07/2011	Bon Ka La Dạ, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		37.0	38.0			NV1
270	VŨ ĐẠI NAM	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	05/03/2011	Thôn Quảng Long, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
271	GIÀNG THỊ NGÀ	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	13/03/2011	thôn 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		39.0	40.0			NV1

272	NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	06/06/2011	Bon Ka La Yu, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1
273	NGUYỄN PHƯƠNG NGHI	TP. Đồng Nai	Nữ	Mường	12/03/2011	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
274	HÀNG A NGHĨA	Lâm Đồng	Nam	Hmông	03/09/2011	Thôn 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
275	LÊ NGUYỄN HIẾU NGHĨA	Cà Mau	Nam	Kinh	13/11/2011	Thôn Quảng Long, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	2.0		36.0	38.0			NV1
276	NGUYỄN HỒ GIA NGHĨA	Nghệ An	Nam	Kinh	11/02/2011	Bon Ka La Yu, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
277	MAI HỒNG NGỌC	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	12/04/2011	Bon Ka La Yu, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		40.0	41.0			NV1
278	NGUYỄN THỊ KHÁNH NGỌC	Lào Cai	Nữ	Kinh	21/08/2011	Bon Phi Mur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		38.0	39.0			NV1
279	SÙNG THỊ NGỌC	Tuyên Quang	Nữ	Hmông	20/09/2011	Thôn 4, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
280	ỪNG PHÚ NGỌC	Lâm Đồng	Nữ	Hoa	07/01/2011	Thôn Quảng Long, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1
281	BÙI HOÀNG NGUYỄN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	04/11/2011	Bon Ka La Yu, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
282	LÊ CHÍ TRỌNG NGUYỄN	Đắk Lắk	Nam	Kinh	20/08/2011	Bon Sa Ú - Dru, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		35.0	36.0			NV1
283	LÊ NGUYỄN TÂY NGUYỄN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	11/03/2011	Bon R' Dą, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		35.0	36.0			NV1
284	NGUYỄN TRUNG NGUYỄN	Ninh Bình	Nam	Kinh	09/02/2011	Thôn Tân Tiến, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
285	NGUYỄN VĨNH KHÔI NGUYỄN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	01/01/2011	Bon Sa Diêng, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
286	PHẠM KHÔI NGUYỄN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	25/05/2011	Bon Sa Ú Dru, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		37.0	38.0			NV1
287	K' NGŨ	Lâm Đồng	Nam	Mạ	04/10/2011	Bon Phu Mur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
288	VÀNG VĂN NHANH	Lâm Đồng	Nam	Hmông	02/08/2011	Thôn 7, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
289	GIÀNG A NHÀ	Lâm Đồng	Nam	Hmông	27/10/2009	Thôn 4, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		26.0	27.0			NV1
290	GIÀNG SEO NHÀ	Lâm Đồng	Nam	Móng	15/04/2011	Thôn 4, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
291	LÊ KẾ NHÃ	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	01/08/2011	Bon B' Dong, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1
292	NGHIÊM THÀNH NHÂN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	20/04/2011	Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
293	LÊ MINH NHẬT	Đắk Lắk	Nam	Kinh	10/07/2011	Bon Ka La Dą, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
294	H' LÊ DUNG NHI	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	10/11/2011	Bon B' Dong, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
295	H' UYÊN NHI	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	09/08/2011	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
296	HÀNG THỊ YÊN NHI	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	03/08/2011	Thôn 1, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
297	LÂM UYÊN NHI	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	26/02/2011	Bon Sa ú-Dru, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1

298	LÊ TUYẾT NHI	Lâm Đồng	Nữ	kinh	17/10/2011	Bon B'Dong, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
299	MA THỊ BÍCH NHI	Lâm Đồng	Nữ	Mông	23/12/2011	Thôn 1, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
300	TẠ UYÊN NHI	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	28/04/2011	Bon Ka La Dạ, Phường Buôn Ma Thuật, Tỉnh Đắk Lắk	1.0		33.0	34.0			NV1
301	VÕ YẾN NHI	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	05/11/2011	Bon Ka La Dạ, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		37.0	38.0			NV1
302	VŨ THỊ HỒNG NHUNG	Cà Mau	Nữ	Kinh	20/07/2011	Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
303	LÂM TÂM NHƯ	TP. Cần Thơ	Nữ	Khơ-me	04/09/2011	Xã Nhu Gia, Thành phố Cần Thơ	1.0		37.0	38.0			NV1
304	MÙA THỊ NHƯ	Lâm Đồng	Nữ	Mông	29/07/2011	Thôn 3, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		29.0	30.0			NV1
305	NGUYỄN THẢO NHƯ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	22/04/2011	Bon KaLaYu, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
306	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	TP. Hà Nội	Nữ	Kinh	08/01/2011	Thôn Quảng Long, Xã Tân Đông, Tỉnh Tây Ninh	1.0		36.0	37.0			NV1
307	PHAN TÂM NHƯ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	19/05/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0			NV1
308	THẢO THỊ NÍ	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	03/10/2009	Thôn 7, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
309	LÝ THỊ NỒNG	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	22/10/2011	Cụm 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
310	HẬU THỊ NƯƠNG	Lâm Đồng	Nữ	Mông	28/02/2011	Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
311	TRẦN THỊ KIM OANH	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	12/08/2011	Thôn Tân Tiến, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
312	NGUYỄN VĂN PHÁT	Đắk Lắk	Nam	Kinh	28/08/2011	Bon Sa Diêng, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		33.0	34.0			NV1
313	TÔ ĐỨC PHÁT	Lâm Đồng	Nam	Kinh	12/06/2011	Thôn Quảng Long, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
314	CƯ THỊ PHI	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	27/12/2011	Thôn 7, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
315	KHÁNG A PHI	Lâm Đồng	Nam	Hmông	05/11/2011	Thôn 1, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		26.0	27.0			NV1
316	LÙ THỊ ĐIỆP PHI	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	16/05/2011	Thôn 7, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
317	GIÀNG A PHIM	Lâm Đồng	Nam	Hmông	15/05/2010	thôn 5, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
318	GIÀNG A PHONG	Lâm Đồng	Nam	Mông	04/03/2011	Thôn 2, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
319	LÊ VŨ PHONG	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	18/12/2011	Bon Phi Mur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
320	THẢO XUÂN PHÔNG	Đắk Lắk	Nam	H'Mông	18/11/2011	Cụm 9, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
321	HẠNG MINH PHÔNG	Lâm Đồng	Nam	Hmông	11/04/2011	Thôn 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
322	HOÀNG THỊ AN PHÚ	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	22/04/2011	Bon Ka La Yu, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		40.0	41.0			NV1
323	PHAN K' TRỌNG PHÚ	Lâm Đồng	Nam	Kinh	13/10/2011	Bon Ka la Yu, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1

324	TRẮNG A PHÚ	Lâm Đồng	Nam	Mông	03/09/2011	Thôn 4, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
325	GIÀNG THỊ PHÚC	Điện Biên	Nữ	Mông	01/05/2011	Thôn 2, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
326	K' PHÚC	Lâm Đồng	Nam	Mạ	28/02/2011	Bon R' Dạ, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
327	GIÀNG THỊ NGỌC PHƯƠNG	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	14/10/2011	thôn 5, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
328	THẢO THỊ PHƯƠNG	Lâm Đồng	Nữ	Mông	14/10/2011	Cụm 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		31.0	32.0			NV1
329	THẢO THỊ PHƯƠNG	Lâm Đồng	Nữ	Mông	11/11/2010	Thôn 1, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
330	VŨ THỊ PHƯƠNG	Lâm Đồng	Nữ	H'Mông	02/01/2011	Thôn 4, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
331	K' PHUỐC	Lâm Đồng	Nam	Mạ	06/06/2011	Bon B' Dong, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
332	SINH MONG PHUỐC	Lâm Đồng	Nam	Hmông	18/03/2011	Cụm 8, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
333	H' LÍ KIM PHƯƠNG	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	27/11/2011	Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		35.0	36.0			NV1
334	HỒ THẨM NGỌC PHƯƠNG	Lâm Đồng	Nữ	Hoa	17/09/2011	Thôn Quảng Long, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
335	THẢO A PHỦ	Lâm Đồng	Nam	Mông	21/02/2011	Thôn 2, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		26.0	27.0			NV1
336	BÙI K' QUANG	Lâm Đồng	Nam	Mường	19/03/2010	Bon B' Tong,, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		26.0	27.0			NV1
337	K' QUANG	Lâm Đồng	Nam	Mạ	28/02/2011	Bon B' Nor, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
338	PHAN MINH QUÂN	Đắk Lắk	Nam	Kinh	28/05/2011	Bon Ka La Dạ, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
339	GIÀNG A QUÊ	Điện Biên	Nam	Hmông	30/11/2011	Thôn 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
340	ĐÀO TẤN QUỐC	Lâm Đồng	Nam	kinh	12/12/2011	Bon Sa Ú- Dru, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
341	HOÀNG NGUYỄN BẢO QUYÊN	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	22/12/2011	Thôn Quảng Long, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
342	TRẦN THỊ HOÀNG QUYÊN	Lâm Đồng	Nữ	kinh	10/05/2011	Bon Sa ú-Dru, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
343	H' QUYẾT	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	18/12/2008	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
344	K' QUYẾT	Lâm Đồng	Nam	Mạ	06/08/2011	thôn 7, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0		TN THCS trường PT DTNT	TT
345	K' NGỌC QUỲNH	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	30/10/2011	Bon Pang So, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
346	SÙNG THỊ RAY	Lâm Đồng	Nữ	H'Mông	28/08/2011	Thôn 3, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
347	GIÀNG THỊ SA	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	18/11/2011	Thôn 5, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
348	KA H MI SA	Đắk Lắk	Nữ	Mạ	27/04/2011	Bon Ka Nur, Xã Bảo Lâm 1, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		31.0	32.0			NV1

349	LÝ THỊ SAY	Sơn La	Nữ	Mông	03/08/2011	Thôn 7, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
350	VÀNG THỊ SAY	Lâm Đồng	Nữ	Mông	26/06/2009	Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
351	VÀNG THỊ SAY	Điện Biên	Nữ	Mông	07/08/2011	Thôn 3, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
352	GIÀNG A SÁNG	Lâm Đồng	Nam	Hmông	30/09/2011	Thôn 3, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
353	VÕ QUANG SÁNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	24/10/2011	Bon Ka La Dạ, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
354	MA THỊ SÁO	Lâm Đồng	Nữ	Mông	12/07/2011	Thôn 2, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
355	H' SÂM	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	01/10/2011	Bon B' Dong, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
356	H' SEN	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	04/09/2011	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
357	GIÀNG A SÊNH	Điện Biên	Nam	Hmông	25/02/2010	Thôn 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
358	THẢO THỊ SÊNH	Lâm Đồng	Nữ	Mông	16/02/2011	Thôn 4, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
359	LÝ THỊ SIA	Lâm Đồng	Nữ	Mông	26/05/2010	Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
360	SỪNG THỊ CA SIA	Điện Biên	Nữ	Mông	18/08/2011	Thôn 2, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
361	SỪNG THỊ SINH	Lai Châu	Nữ	Hmông	13/03/2011	thôn 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
362	HÀNG A SÍNH	Lâm Đồng	Nam	Hmông	23/02/2011	Thôn 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
363	MÙA A SÍNH	Lâm Đồng	Nam	Mông	28/11/2011	Thôn 3, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		26.0	27.0			NV1
364	HẠNG THỊ SỎ	Lâm Đồng	Nữ	Mông	23/08/2011	Thôn 4, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
365	CỨ THỊ SƠ	Lâm Đồng	Nữ	Mông	28/09/2011	Thôn 2, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		29.0	30.0			NV1
366	GIÀNG THỊ MÁY SƠ	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	11/03/2011	Thôn 3, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
367	VÀNG THỊ SƠ	Điện Biên	Nữ	Hmông	10/09/2011	Xã Nà Búng, Tỉnh Điện Biên	1.0		30.0	31.0			NV1
368	PHẠM THANH SƠN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	18/09/2011	Bon Sa Ú Dru, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		37.0	38.0			NV1
369	GIÀNG THỊ SUA	Lâm Đồng	Nữ	Mông	01/10/2011	Thôn 3, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
370	MÙA THỊ SUA	Lâm Đồng	Nữ	Mông	03/04/2011	Thôn 3, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		29.0	30.0			NV1
371	TRẮNG THỊ SUA	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	04/12/2011	Thôn 4, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
372	HẬU THỊ TA	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	26/08/2010	Thôn 7, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
373	CỨ THỊ TAN	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	29/03/2011	Thôn 5, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
374	HUỲNH K ANH TÀI	Lâm Đồng	Nam	Kinh	19/05/2011	Thôn Đăk Lang, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1

375	MAI SƠN TÀI	Lâm Đồng	Nam	Kinh	11/03/2011	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		39.0	40.0			NV1
376	LÝ NGỌC MINH TÂM	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	07/09/2011	Bon Sa Diêng, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		26.0	27.0			NV1
377	TRIỆU HOÀNG NGỌC TÂM	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	20/06/2011	Thôn 4, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
378	NGUYỄN NGỌC TÂN	Lâm Đồng	Nam	kinh	07/04/2011	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
379	H' THAN	Lâm Đồng	Nữ	mạ	25/07/2011	Thôn Quảng Long, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
380	NGUYỄN DƯƠNG MINH THANH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	15/05/2011	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
381	VÀNG A THANH	Lào Cai	Nam	Hmông	24/06/2010	Thôn 5, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		26.0	27.0			NV1
382	GIÀNG XUÂN THÀNH	Lâm Đồng	Nam	Hmông	08/02/2011	thôn 5, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
383	NGUYỄN VĂN THÀNH	Đắk Lắk	Nam	Kinh	24/08/2011	Bon B' Dong, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
384	VÕ TÂN THÀNH	Lâm Đồng	Nam	kinh	04/02/2011	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		37.0	38.0			NV1
385	VŨ A THÀNH	Lâm Đồng	Nam	Mông	12/11/2011	Thôn 4, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
386	CHỖ A THÂN	Lâm Đồng	Nam	Hmông	14/04/2011	Thôn 1, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
387	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	26/01/2011	Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1
388	TẠ THANH THẢO	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	15/06/2011	Bon Phi Mur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		37.0	38.0			NV1
389	NGUYỄN PHAN NHẬT THÁI	Đắk Lắk	Nam	Kinh	10/02/2009	Thôn Đắk Lang, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		31.0	32.0			NV1
390	PHẠM QUỐC THÁI	Lâm Đồng	Nam	Kinh	19/05/2011	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
391	SINH A THE	Lâm Đồng	Nam	Hmông	02/10/2010	Thôn 3, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
392	GIÀNG THỊ THI	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	25/05/2011	thôn 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
393	HOÀNG KHÁNH THI	Phú Thọ	Nữ	Kinh	20/09/2011	Bon B' Nơr, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
394	LÊ ĐÌNH THIÊN	Gia Lai	Nam	Kinh	24/04/2011	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		40.0	41.0			NV1
395	K' THIẾT	Lâm Đồng	Nam		20/12/2011	Bon B'Plao, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		26.0	27.0			NV1
396	NGUYỄN VIỆT ĐỨC THIÊN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	21/09/2011	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
397	GIÀNG A THỈNH	Lâm Đồng	Nam	Hmông	06/07/2010	Thộn 2, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
398	LŨ THỊ THÍN	Lâm Đồng	Nữ	Mông	25/10/2010	Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
399	VÕ THIÊN MINH THỊNH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	07/12/2011	Bon B' Dong, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
400	ĐÌNH VĂN THỌ	Lâm Đồng	Nam	Kinh	11/11/2011	Bon B' Sre B, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1

401	GIÀNG THỊ THƠ	Lâm Đồng	Nữ	Mông	25/01/2011	Thôn 3, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		29.0	30.0			NV1
402	H' THƠ	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	28/08/2011	Bon B' Tong, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
403	TRẦN THỊ ANH THƠ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	09/10/2011	Bon B' Srê A, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
404	MA THỊ THU	Đắk Lắk	Nữ	Hmông	01/05/2010	Thôn 2, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		29.0	30.0			NV1
405	NGUYỄN QUANG THUẬN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	21/08/2011	Bon Sa Ú Dru, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1
406	H' THUYỀN	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	16/07/2011	Bon B' Lào, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
407	ĐỖ THỊ ANH THƯ	Ninh Bình	Nữ	Kinh	04/08/2011	Bon B' Nor, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
408	H' THƯ	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	30/03/2011	Bon Sa Ú Dru, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1
409	H' THƯ	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	05/11/2011	Bon B'rê B, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
410	NGUYỄN ANH THƯ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	04/06/2011	Bon Ka La Dạ, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
411	VŨ PHẠM ANH THƯ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	06/10/2011	Bon Ka La Yu, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		40.0	41.0			NV1
412	MA THỊ NGỌC THƯƠNG	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	23/01/2011	Thôn 1, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
413	H' TIỀN	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	01/01/2011	Bon Sa Ú - Dru, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
414	K' E TIỀN	Lâm Đồng	Nam	Mạ	02/04/2011	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
415	NGUYỄN NGỌC THÚY TIỀN	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	kinh	29/11/2011	Bon Sa ú Dru, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		39.0	40.0			NV1
416	TRẦN DUY TIỀN	Ninh Bình	Nam	Kinh	22/08/2011	Thôn Đắk Lang, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
417	LÊ ĐỨC TIỀN	Thanh Hóa	Nam	Kinh	03/02/2011	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
418	NGUYỄN ĐÌNH TIỀN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	23/05/2010	Bon B' Nor, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
419	TRẦN QUANG TIỀN	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	12/03/2010	Bon Sa Diêng, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
420	VÕ TÀI TIỀN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	16/07/2011	Bon Ka La Dạ, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
421	NGUYỄN ĐỨC TÍN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	13/09/2011	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
422	GIÀNG A TÍNH	Lâm Đồng	Nam	H'Mông	24/10/2011	Cụm 12, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
423	K' TÍT	Lâm Đồng	Nam	Mạ	11/05/2011	Bon Sa Diêng, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
424	VÀNG A TOÀN	Lâm Đồng	Nam	Hmông	13/10/2010	Thôn 5, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
425	LÊ CHÍ TOÀN	An Giang	Nam	Kinh	23/10/2010	Bon B' Nor, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
426	HÀNG A TOÁN	Lâm Đồng	Nam	Hmông	05/09/2011	Thôn 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1

427	VÀNG VĂN TOÁN	Lâm Đồng	Nam	Hmông	14/07/2009	Thôn 5, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
428	K' RINH TÔ	Lâm Đồng	Nam	Mạ	01/01/2011	Bon B' Dong, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
429	GIÀNG THỊ TRANG	Điện Biên	Nữ	Hmông	19/06/2011	Thôn 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
430	NGUYỄN THỊ THUỶ TRANG	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	02/01/2011	Thôn Tân Tiến, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
431	H' KA UYÊN TRĂNG	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	19/08/2011	thôn 4, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		33.0	34.0			NV1
432	ĐẬU THỊ HUYỀN TRẦN	Lâm Đồng	Nữ	kinh	14/01/2011	Bon Phi Mur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
433	LÊ BẢO TRẦN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	27/08/2011	Bon Sa Diêng, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
434	VÕ THỊ BẢO TRẦN	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	02/09/2011	Bon B' Srê B, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		39.0	40.0			NV1
435	LÝ THỊ TRI	Lâm Đồng	Nữ	Mông	21/02/2010	Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		29.0	30.0			NV1
436	H' TRIỀU	Lâm Đồng	Nữ	Kơ Ho	18/11/2010	Bon B' Nor, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
437	K' ĐƯỜNG TRIỆU	Lâm Đồng	Nam	Mạ	01/01/2011	thôn 3, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
438	K' TRƯỜNG	Lâm Đồng	Nam	mạ	05/01/2011	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
439	PHẠM MINH TRƯỞNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	23/10/2011	Thôn Đắk Lang, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
440	VŨ PHẠM TUÂN	Lâm Đồng	Nam	kinh	15/07/2011	Bon Ka La Yu, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		33.0	34.0			NV1
441	NGUYỄN ĐẶNG ĐỨC TUẤN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	28/08/2011	Thôn 1, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		35.0	36.0			NV1
442	VŨ ANH TUẤN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	27/04/2011	Thôn Quảng Long, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		26.0	27.0			NV1
443	H' NGỌC TUYỀN	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	30/11/2011	Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
444	NÔNG VĂN K' TUYỀN	Lâm Đồng	Nam	nùng	23/07/2011	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
445	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	09/01/2011	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
446	PHẠM THANH TÙNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	18/05/2011	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
447	MAI CẨM Tú	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	22/08/2011	Thôn Tân Tiến, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
448	NGUYỄN CHÍ TƯỜNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	01/05/2011	Thôn Quảng Long, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
449	PHẠM THANH TƯỜNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	22/09/2011	Bon Ka La Yu, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
450	NGUYỄN THIÊN TỬ	Lâm Đồng	Nam	kinh	18/01/2011	Bon Sa ú-Dru, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1
451	K' UY	Lâm Đồng	Nam	Mạ	06/02/2011	Bon Pang So, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
452	NGÔ HOÀNG PHƯƠNG UYÊN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31/01/2011	Thôn Tân Tiến, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1

453	VÀNG ĐỨC UÝ	Lào Cai	Nam	Hmông	23/03/2010	Cụm 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
454	K' VAN	Lâm Đồng	Nam	Mạ	03/09/2011	Bon B'Tong, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
455	HÀNG A VÀNH	Lâm Đồng	Nam	Hmông	13/07/2010	Thôn 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
456	H' VÂN	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	24/12/2011	thôn 1, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0		TN THCS trường PT DTNT	TT
457	SÙNG A VÂN	Lâm Đồng	Nam	Mông	08/05/2009	Thôn 3, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
458	THẢO THỊ VE	Lâm Đồng	Nữ	Mông	16/06/2011	Thôn 1, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
459	NGUYỄN TƯỜNG VI	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	10/09/2011	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		38.0	39.0			NV1
460	TRẮNG THỊ VI	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	08/11/2011	Thôn 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
461	HÀNG THỊ VIÊN	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	15/11/2010	Thôn 5, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
462	K' VIỄN	Lâm Đồng	Nam	Mạ	26/12/2008	thôn 3 bon B' Tong, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
463	K' VIỆT	Lâm Đồng	Nam	Mạ	18/11/2011	Bon Păng So, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
464	NGUYỄN QUỐC VIỆT	Lâm Đồng	Nam	Kinh	08/11/2011	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
465	HÀU THỊ VINH	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	01/04/2011	Thôn 7, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
466	K' VỌT	Lâm Đồng	Nam	Mạ	05/03/2010	Bon B' Nơr, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
467	ĐOÀN LÂM VŨ	Lâm Đồng	Nam	Kinh	25/01/2011	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		37.0	38.0			NV1
468	NGUYỄN VĂN HOÀNG VŨ	Lâm Đồng	Nam	Kinh	11/02/2011	Bon B Dong, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
469	PHẠM MINH VŨ	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	17/03/2011	Bon Sa Diêng, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1
470	GIÀNG THỊ VƯƠNG	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	25/07/2010	Thôn 5, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
471	K' VƯƠNG	Lâm Đồng	Nam	mnông	22/10/2011	Thôn 1, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		26.0	27.0		TN THCS trường PT DTNT	TT
472	H' VY	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	12/06/2011	Bon B' Dong, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
473	LÊ KHÁNH VY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	02/03/2011	Thôn Đắk Lang, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
474	NGUYỄN NGỌC KHÁNH VY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	15/12/2011	Bon Ka La Dạ, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
475	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	01/03/2011	Thôn Quảng Long, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		31.0	32.0			NV1
476	NGUYỄN THỊ THẢO VY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	27/05/2011	bon phi mur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		33.0	34.0			NV1
477	TRẦN NGỌC TƯỜNG VY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	27/04/2011	Thôn Đắk Lang, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1

478	K' VỸ	Lâm Đồng	Nam	Mạ	07/02/2009	Bon B' Dong, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
479	LÊ THẾ VỸ	Lâm Đồng	Nam	Kinh	01/11/2011	Thôn Quảng Long, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
480	HÀNG THỊ XANH	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	01/08/2010	Cụm 9, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		29.0	30.0			NV1
481	H' XOA	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	12/08/2010	Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
482	GIÀNG THỊ MINH XUÂN	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	19/02/2011	Thôn 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
483	LÝ THỊ XUÂN	Lâm Đồng	Nữ	Mông	25/10/2011	Thôn 4, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1
484	H' XUYỀN	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	16/06/2011	Bon B' Tong, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
485	THẢO BÌNH YÊN	Lâm Đồng	Nam	Mông	04/06/2011	Thôn 1, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		26.0	27.0			NV1
486	PHẠM BẢO YẾN	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	22/11/2011	Bon Phi Mur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		40.0	41.0			NV1
487	SÙNG THỊ YẾN	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	23/01/2011	thôn 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
488	VŨ THỊ YẾN	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	27/12/2011	Thôn 4, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
489	TRẦN VŨ NHƯ Ý	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	04/06/2011	bon B'Tong, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
490	VŨ NHƯ Ý	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	30/04/2011	Thôn Quảng Long, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1

Danh sách này có 490 học sinh trúng tuyển vào lớp 10 năm học 2026 - 2027.